TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1950; nơi cư trú: số X, ấp Phước T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Anh Phan Tuấn N, sinh năm 1998; Địa chỉ liên hệ: số X, ấp Bình T, xã Bình P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn B, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: số Y, ấp L, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh N và anh B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/3/2023, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 22/10/2021, ông Huỳnh Văn A có cho anh Trương Văn B vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Mục đích anh B vay số tiền này là để làm vốn làm ăn. Anh B có viết giấy tay có tiêu đề "Giấy mượn tiền" đưa cho ông A giữ để làm tin. Tuy nhiên, từ ngày vay

tiền đến nay anh B không trả vốn cũng không trả lãi cho ông A. Nay ông A yêu cầu anh B trả lại số tiền vốn vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cùng lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay 22/10/2021 đến khi Tòa án xét xử tạm tính đến ngày 24/3/2023 (17 tháng) là 28.220.000 đồng.

Ông A xác định số tiền 63.000.000 đồng mà anh B đã chuyển vào tài khoản của anh Huỳnh Phước Đ là tiền anh B trả cho anh Đ, ông A không có nhận khoản tiền này. Nếu giữa anh B và anh Đ có tranh chấp số tiền này thì sẽ phát sinh bằng một vụ án khác, không liên quan đến ông A.

Theo đơn kiện, ông A có yêu cầu chị Lê Thị Kim C là vợ anh B cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ. Tuy nhiên, đến nay ông A biết được chị C và anh B đã ly hôn trước khi anh B vay tiền của ông A nên nay ông A chỉ yêu cầu một mình anh B trả nợ, không yêu cầu chị C liên đới trả nợ.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trương Văn B trình bày:

Ông B thừa nhận "Giấy mượn tiền" đề ngày 22/10/2021 là do ông viết và ký tên đưa cho ông A giữ làm tin. Ông B cũng thừa nhận là ông có vay tiền của ông A nhưng ông vay nhiều lần và người cho ông vay có cả con của ông A là anh Huỳnh Phước Đ; cụ thể:

Lần 01 (tôi không nhớ thời gian): ông có vay của anh Huỳnh Phước Đ số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 7%/tháng; ông có viết biên nhận đưa cho anh Đ giữ;

Lần 02 (tôi không nhớ thời gian): ông có vay của anh Huỳnh Phước Đ số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận miệng là 7%/tháng; ông có viết biên nhận đưa cho anh Đ giữ;

Lần 03: Ngày 22/10/2021, ông có vay của ông A số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất vay hai bên cũng thỏa thuận miệng là 7%/tháng. Lúc này, ông A yêu cầu ông viết biên nhận tổng cộng cả 03 khoản tiền vay lại với nhau là 100.000.000 đồng. Do ông thấy ông A và anh Đ ở chung nhà nên ông nghĩ cả hai làm ăn chung nên ông chấp nhận viết biên nhận với tổng cộng số nợ là 100.000.000 đồng theo yêu cầu của ông A. Do ông sơ ý nên cũng không yêu cầu anh Đ trả lại ông các biên nhận cũ trước đó.

Từ khi vay tiền, ông có trả lãi đầy đủ cho ông A và anh Đ nhưng do các khoản tiền trả trực tiếp ông không có chứng cứ chứng minh nên ông không trình bày và không đề nghị Tòa án xem xét. Đối với số tiền lãi ông trả bằng hình thức chuyển khoản thì ông đã chuyển trả lãi được 63.000.000 đồng thông qua số tài khoản của anh Huỳnh Phước Đ.

Đến nay, anh Đ có văn bản trình bày ý kiến cho rằng số tiền này là tiền ông trả tiền mua bán trái cây; ông A cũng không thừa nhận ông A có nhận khoản tiền lãi này thì ông cũng chấp nhận. Số tiền ông đã trả chuyển khoản cho ông Đ thì giữa ông và ông Đ sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Nay ông chấp nhận trả cho ông A số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Trước đây, ông và bà Lê Thị Kiều C là vợ chồng. Tuy nhiên, ông và bà C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 22/10/2021, ông mới vay tiền của ông A. Do đó, bà Châu không có liên quan đến thỏa thuận vay tiền giữa ông và ông A nên bà C không chịu trách nhiệm đối với số nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn A khởi kiện anh Trương Văn B yêu cầu trả số tiền vay là 100.000.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Trương Văn B đang cư trú tại xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn anh Trương Văn B không có yêu cầu phản tố.

[2] Xem xét về giao dịch đã ký kết giữa ông A và anh B:

Tại phiên tòa và trong quá trình tố tụng tại Toà án, các bên đương sự thống nhất: Giao dịch mà ông Hùynh Văn A ký kết với ông Trương Văn B xuất phát từ thỏa thuận vay tiền, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Huỳnh Văn A đối với ông Trương Văn B. Ông A trình bày do quen biết nên có cho anh B vay số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn làm ăn và đến nay anh B vẫn chưa trả tiền gốc cho ông A, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh B cũng thừa nhận nội dung này, nên được xem là cơ sở pháp lý, từ cơ sở này đã xác định được anh Trương Văn B có nợ ông Huỳnh Văn A số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính tờ "Giấy mượn tiền" đề ngày 22/10/2021 có chữ ký của anh Trương Văn B. Qua giao dịch này thấy rằng anh B đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, ông A khởi kiện anh B vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy phải buộc anh Trương Văn B thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn A số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng là hoàn toàn đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất:

Ông A yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày vay 22/10/2021 đến khi Tòa án xét xử. Ông B chấp nhận trả cho ông A số tiền vốn vay 100.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, về tiền lãi, nguyên đơn cho rằng kể từ ngày vay tiền là ngày 22/10/2021 thì bị đơn anh B không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho nguyên

đơn. Anh B trình bày vay tiền của ông A là anh có đóng lãi mỗi tháng cho ông A và anh Huỳnh Phước Đ nhưng do các khoản tiền trả lãi trực tiếp anh không có chứng cứ chứng minh nên anh không trình bày cụ thể và anh cũng không đề nghị Tòa án xem xét. Đối với số tiền lãi anh trả bằng hình thức chuyển khoản thì anh đã chuyển trả lãi được 63.000.000 đồng thông qua số tài khoản của anh Huỳnh Phước Đ (con ông A) nhưng anh Đ đã có văn bản không thừa nhận số tiền nhận chuyển khoản từ anh B là tiền lãi suất mà là tiền thanh toán việc bán trái cây của hai bên không liên quan đến khoản vay 100.000.000 đồng. Đối với số tiền 63.000.000 đồng này anh B trình bày số tiền anh đã trả lãi chuyển khoản cho anh Đ thì giữa anh và anh Đ sẽ giải quyết bằng một vụ án khác, anh không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì anh Trương Văn B sẽ khởi kiện anh Huỳnh Phước Đ bằng một vụ án khác, anh Huỳnh Phước Đ không có liên quan gì trong vụ án này.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi còn thiếu từ ngày 22/10/2021 đến ngày 24/3/2023 là 17 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng của số tiền là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, khi lập hợp đồng vay tiền, hai bên không thể hiện thỏa thuận lãi suất cho vay, tại phiên toà các bên thừa nhận cho vay có lãi suất nhưng không thống mức lãi trong hợp đồng nhưng nguyên đơn cho rằng giữa 02 bên có thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất 2%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng Bh từ ngày 22/10/2021 đến ngày 24/3/2023 tổng cộng là 17 tháng trên số tiền vay gốc 100.000.000 đồng là 28.220.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Tại phiên toà, anh B xác định vợ anh là chị Lê Thị Kiều C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đến ngày 22/10/2021, anh mới vay tiền của ông A. Do đó, chị C không có liên quan đến thỏa thuận vay tiền giữa anh và ông A nên chị C không chịu trách nhiệm liên đới cùng anh đối với số nợ này. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng không yêu cầu chị Lê Thị Kiều C cùng liên đới trả nợ với anh B nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Trương Văn B phải chịu án phí với số tiền là 6.411.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn A đối với anh Trương Văn B.

Buộc anh Trương Văn B phải có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn A số tiền 128.220.000 (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 28.220.000 (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận ông Huỳnh Văn A không yêu cầu chị Lê Thị Kiều C cùng liên đới trả nợ với anh Trương Văn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Trương Văn B phải chịu án phí là 6.411.000 (Sáu triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Trần Phương Thảo